

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180 /2017/DS-PT.

Ngày 24-11-2017.

V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản
và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông: Nguyễn Văn Trường.

Các Thẩm phán: Bà: Sơn Nữ Phà Ca.

Bà: Trần Thị Ngọc Dung.

- Thư ký phiên toà: Bà: Nguyễn Thị Xuân Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2017/TLPT - DS ngày 16 tháng 8 năm 2017, về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2017/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2017/QĐ – PT, ngày 01 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1949 vắng mặt.

Địa chỉ: đường Đốc Phủ C, khu B, thị trấn Ô, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trương Hoàng S, Văn phòng luật sư Anh S – Thuộc đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền ngày 30/6/2015) có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1952 vắng mặt.

Địa chỉ thường trú: khu B, thị trấn Ô, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: ấp Mỹ A, xã Mỹ K, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ: Ông Lê Kỳ N, sinh năm 1958. Địa chỉ: chung cư B, phường An K, quận Ninh K, thành phố Cần Thơ (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/11/2015) vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Ngô Hồng A, sinh năm 1978 vắng mặt.

Địa chỉ: khu B, thị trấn Ô, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

3. Anh Nguyễn Quang K, sinh năm 1976 vắng mặt.

Địa chỉ: đường Mậu T, phường Xuân K, quận Ninh K, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ chỗ ở hiện nay: đường Nguyễn Văn C (nối dài), phường An K, quận Ninh K, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn chị Nguyễn Ngô Hồng A và anh Nguyễn Quang K: Ông Nguyễn Thái T, sinh năm 1982. Địa chỉ: đường Đồng K, phường Tân A, quận Ninh K, thành phố Cần Thơ (Theo văn bản ủy quyền ngày 29/6/2015) vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn anh Nguyễn Quang K: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1989. Địa chỉ: đường Đồng K, phường T, quận Ninh K, thành phố Cần thơ (Theo văn bản ủy quyền ngày 14/7/2017) có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn.

Địa chỉ: Khu N, thị trấn Ô, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Kế T- Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ô 1, vắng mặt.

2. Bà Ngô Thị H, sinh năm 1951 vắng mặt.

Địa chỉ thường trú: khu B, thị trấn Ô, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: ấp Mỹ A, xã Mỹ K, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

3. Anh Lê Quang T, sinh năm 1973 vắng mặt.

4. Cháu Lê Trung N, sinh ngày 26/7/2002 vắng mặt.

Cùng địa chỉ: khu B, thị trấn Ô, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

5. Ngân hàng T (Gọi tắt là S).

Địa chỉ trụ sở: đường Nam Kỳ Khởi N, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng T: Ông Đèo Trung H – Chức vụ: Phó phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng T, chi nhánh Cần Thơ (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/01/2017) có mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Quang K là bị đơn và Ngân hàng T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 01/4/2015, ngày 17/4/2015; đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/8/2015, ngày 29/9/2016 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Văn L và người đại diện hợp pháp của ông L là ông Trương Hoàng S trình bày:

Vào năm 2011, 2012, 2013 ông Huỳnh Văn L cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Ngô Hồng H vay tiền 03 lần theo các biên nhận hẹn nợ cụ thể như sau: Lần 1 ngày 06/12/2011 ông L cho ông Đ và bà H vay số tiền 100.000.000đ vốn, không thỏa thuận lãi suất, ông Đ và bà H hẹn 06 tháng sau trả đủ 100.000.000đ vốn cho ông L; lần 02 ngày 30/9/2012 ông L cho ông Đ và bà H vay số tiền 250.000.000đ vốn, không thỏa thuận lãi suất, ông Đ và bà H hẹn 06 tháng sau trả đủ 250.000.000đ vốn cho ông L; Lần 3 ngày 25/8/2013 ông L cho ông Đ và bà H vay số tiền 95.000.000đ vốn, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 3%/ tháng. Tổng cộng ông L cho ông Đ và bà H vay số tiền vốn là 445.000.000đ.

Sau khi vay, ông Đ và bà H chỉ trả cho ông L được 35.000.000đ vốn, lãi không trả. Còn lại 410.000.000đ vốn ông Đ và bà H không trả. Ngày 08/12/2013 bà H chết.

Sau khi bà H chết, ông Đ không trả nợ cho ông L. Ngày 08/01/2015 ông Đ lập hợp đồng tặng cho con là anh Nguyễn Quang K quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền với đất là tài sản chung của ông Đ và bà H nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho ông L. Theo hợp đồng thì ông Đ tặng cho anh K tài sản là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 34, diện tích 205,8m², loại đất ở đô thị và CLN theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BM 579399, số vào sổ cấp GCN: CH 01543 do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp ngày 19/3/2013 và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 tổng diện tích xây dựng 115,7m² theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số: BM 579399 cấp ngày 19/3/2013. Đất và nhà tọa lạc tại: Khu B, thị trấn Ô, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ông L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Quang K lập ngày 08/01/2015; Hủy nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý tại phần IV trang 3 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp cho ông Nguyễn Văn Đ ngày 19/3/2013 số BM 579399, số vào sổ CGN: CH 01543 để xác định nghĩa vụ trả nợ của người thừa kế di sản; Yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và những người thừa kế của bà H là anh Nguyễn Quang K và chị Nguyễn Ngô Hồng A có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn tổng cộng là 410.000.000đ và yêu cầu điều chỉnh lãi suất theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố bằng 0,75%/ tháng đối với các khoản vay gồm: Nợ vốn

100.000.000đ tính từ ngày 06/12/2011 đến ngày xét xử xong vụ án tạm tính 66 tháng bằng 49.500.000đ; nợ vốn 250.000.000đ tính từ ngày 30/9/2012 đến ngày xét xử xong vụ án tạm tính 56 tháng bằng 105.000.000đ; nợ vốn 60.000.000đ tính từ ngày 25/8/2013 đến khi xét xử xong vụ án tạm tính 45 tháng bằng 20.250.000đ, tổng cộng lãi bằng 174.750.000đ.

* Tại bản tự khai ngày 12/6/2015 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và người đại diện hợp pháp của ông Đ là ông Lê Kỳ N trình bày:

Ông Đ thừa nhận; Khi bà H còn sống, ông Đ và vợ là bà H có vay của ông L số tiền vào thời gian đúng như ông L trình bày, sau khi vay ông Đ, bà H có trả cho ông L 35.000.000đ vốn. Số tiền còn lại ông Đ, bà H còn nợ ông L là 410.000.000đ vốn chưa trả. Sau khi bà H chết, ông Đ không có khả năng trả nợ cho ông L, nên ông L khởi kiện; Ông Đ đồng ý trả số tiền vốn vay cho ông L là 410.000.000đ và xin không trả phần lãi. Đối với việc ông L yêu cầu Tòa án xác định di sản của bà Ngô Hồng H trong phần đất thừa số 50, diện tích 205,8m², tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại khu B, thị trấn Ô, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long và yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Quang K lập ngày 08/01/2015, ông Đ không đồng ý. Vì, đất và căn nhà gắn liền trên đất là tài sản riêng của ông Đ, thời điểm ông Đ lập hợp đồng tặng cho anh K phần đất không có tranh chấp và hợp đồng được lập thành văn bản được Ủy ban nhân dân thị trấn Trà Ôn chứng thực hợp pháp, anh K đã đăng ký quyền sử dụng đất được chỉnh lý đúng tên tại trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp.

* Tại bản tự khai ngày 29/6/2015 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Thái T là người đại diện hợp pháp của bị đơn anh Nguyễn Quang K và chị Nguyễn Ngô Hồng A trình bày:

Anh K và chị A là con của ông Đ, bà H. Việc ông Đ, bà H vay mượn nợ của ông L theo các biên nhận hẹn nợ do ông L cung cấp cho Tòa anh K, chị A không biết. Anh K, chị A không có vay mượn nợ của ông L và không có nhận di sản của bà H nên không phát sinh nghĩa vụ trả nợ do bà H chết để lại. Anh K, chị A không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông L về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Quang K lập ngày 08/01/2015; không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh K. Vì, việc ông L khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay không liên quan gì đến việc tranh chấp đất. Anh K, chị A xác định bà H chết không để lại di sản nên không đồng ý liên đới cùng ông Đ trả nợ cho ông L. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh K đã thế chấp vay vốn tại S chi nhánh Cần Thơ, phòng giao dịch quận Ninh Kiều.

* Tại văn bản ngày 14/02/2017 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án anh Đào Trung H là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng T (gọi tắt là S) trình bày:

Anh Nguyễn Quang K có vay vốn tại S chi nhánh Cần Thơ, phòng giao dịch quận Ninh Kiều số tiền 500.000.000đ vốn, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay: Bổ sung vốn mua thiết bị y tế theo hợp đồng tín dụng số LD151600007 ngày 16/6/2015. Để đảm bảo khoản vay anh K thế chấp nhà và đất tại thửa số 50, diện tích 205,8m², tờ bản 34, tọa lạc tại khu B, thị trấn Ô, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài khác gắn liền với đất số BM579399, số vào sổ cấp GCN CH: 01543 do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp ngày 19/3/2013 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Đ, ông Đ tặng cho anh Nguyễn Quang K được chỉnh lý tại phần IV trang 3 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/01/2015 mang tên anh K. Ngân hàng không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khởi kiện của nguyên đơn là nhằm đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Ngân hàng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và anh K do anh K thực hiện đúng hợp đồng nên dư nợ còn lại là 333.320.000đ.

* Tại công văn số: 1385/UBND-NC ngày 19/11/2015 Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn trả lời nội dung như sau:

- Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 579399, ký ngày 19/3/2013 cho hộ ông Nguyễn Văn Đ đứng tên chủ sử dụng là đúng theo nội dung đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, đề ngày 12/02/2013. Còn các thành viên trong hộ ông Nguyễn Văn Đ gồm những người nào thì Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn không xác định được.

- Khi lập thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất từ ông Nguyễn Văn Đ sang anh Nguyễn Quang K chỉ có ông Đ và anh K ký tên trong hợp đồng, không có ý kiến bằng văn bản nào khác.

- Về trình tự, thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất từ ông Đ sang anh K là đúng trình tự thủ tục theo quy định.

* Tại Công văn số: 572/UBND-NC ngày 29/4/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn và Công văn số: 302/CNTO ngày 05/5/2016 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Trà Ôn xác định: Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn không có ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho ông Nguyễn Quang K, chỉ chỉnh lý biên động trên trang 3 của giấy chứng nhận đã được cấp cho bên chuyển quyền sang bên nhận chuyển quyền theo quy định tại các Điều 79, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và các Điều 17,18,19,20 của Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014.

* Tại chứng thư thẩm định giá số VC16/03/12/BDS-CT ngày 17/3/2016 của công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam thể hiện: Kết quả thẩm định giá; Đối với quyền sử dụng đất thửa 50 tờ bản đồ 34 diện tích 205,8m² (Trong đó có 123,2 m² đất ở và 82,6m² đất trồng cây lâu năm) đơn giá bình quân là 3.126.000đ/m² thành tiền 643.330.800đ; Đối với công trình xây dựng nhà ở diện tích 115,7m², diện tích sàn 115,7m² kết cấu nhà ở khung cột BTCT, nền lát gạch ceramic, vách tường riêng, trần nhựa, mái lợp tole, loại nhà cấp 4, có giá trị còn lại của toàn bộ căn nhà là 234.790.010đ. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất làm tròn bằng 878.121.000đ.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2017/DS-ST, ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, xử:

1. Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Quang K lập ngày 08/01/2015 đối với phần đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 50 diện tích 205,8m² tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại: khu B, thị trấn Ô, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

2. Hủy nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý “Tặng cho cho anh Nguyễn Quang K, CMND số 362086463, địa chỉ thường trú: Mậu T, Xuân K, Ninh K, thành phố Cần Thơ theo hồ sơ số 001543.TA.063” tại phần IV của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số BM 579399 số vào sổ cấp CGN: CH 01543 do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn đã cấp cho ông hộ Nguyễn Văn Đ ngày 19/3/ 2013.

3. Buộc ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn L số nợ vốn bằng 205.000.000đ (Hai trăm lẻ năm triệu đồng), lãi bằng 87.375.000đ (Tám mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn). Tổng cộng vốn và lãi bằng 292.375.000đ (Hai trăm chín mươi hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

4. Buộc những người hưởng thừa kế của bà Ngô Hồng H gồm ông Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Quang K, chị Nguyễn Ngô Hồng A có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do bà H để lại là phải có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn L số nợ vốn bằng 205.000.000đ (Hai trăm lẻ năm triệu đồng), lãi bằng 87.375.000đ (Tám mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn). Tổng cộng vốn và lãi bằng 292.375.000đ (Hai trăm chín mươi hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Tại quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số: 06/QĐ-TA ngày 18/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn sửa chữa, bổ sung bản án số: 32/2017/DS-ST ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn như sau:

1. Tại dòng thứ 8 từ trên xuống, trang 1 của bản án đã ghi: “Vay tài sản và thực nghĩa vụ”.

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ”.

2. Tại dòng thứ 6 từ dưới lên, trang 7 của bản án đã ghi: Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án”.

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án”.

3. Tại dòng thứ nhất từ trên xuống, trang 8 của bản án đã ghi: “4, Điều 34 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 32 của Bộ luật tố tụng hành chính”.

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “4, Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 4, Điều 32 của Bộ luật tố tụng hành chính”.

4. Tại dòng thứ tư từ dưới lên, trang 8 của bản án đã ghi: “Viên tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Tòa án cả”.

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Viên tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Tòa án và”.

5. Tại dòng thứ 8 từ dưới lên, trang 9 của bản án ghi: “[2.3] phần diện tích 205,8m² thửa 50, tờ bản đồ số 34 có nguồn gốc của ông”.

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “[2.3] Phần đất diện tích 205,8m² thửa 50, tờ bản đồ số 34 có nguồn gốc của ông”.

6. Tại dòng thứ 3 từ dưới lên, trang 11 của bản án đã ghi: “3 Điều 228 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 32 của Bộ luật tố tụng hành”.

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 32 của Bộ luật tố tụng hành”.

* Ngày 14 tháng 7 năm 2017, bị đơn anh Nguyễn Quang K kháng cáo với nội dung:

Kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số: 32/2017/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn.

Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long hủy bản án sơ thẩm số: 32/2017/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn.

Lý do kháng cáo:

Ngày 31/8/2015 Thẩm phán ký ban hành thông báo không số về việc thụ lý bổ sung yêu cầu “Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” giữa ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Quang K đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 34, diện tích 205,8m², đất tọa lạc tại khu B, thị trấn Ô, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi ký thụ lý vụ án bổ sung thì Tòa án không triệu tập anh K làm việc để thực hiện quyền của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, gây thiệt thòi đến quyền lợi hợp pháp của anh K liên quan đến yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn.

Về việc vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 08/01/2015; đối với quyết định này, anh K đề nghị Tòa bác yêu cầu này của nguyên đơn, vì tại thời điểm giao kết hợp đồng thửa đất không bị tranh chấp, hợp đồng được lập thành

văn bản và được Ủy ban nhân dân thị trấn Trà Ôn chứng thực hợp pháp và đã được đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai; hiện anh Khả đã được Nhà nước thừa nhận và công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp.

Anh K không chấp nhận với phần tính án phí của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn buộc anh Nguyễn Quang K và chị Nguyễn Ngô Hồng A cùng liên đới nộp án phí sơ thẩm.

* Ngày 12 tháng 7 năm 2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng T kháng cáo với nội dung:

Kháng cáo toàn bộ quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2017/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn.

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

Tài sản thuộc sở hữu của anh Nguyễn Quang K đã được cơ quan chức năng cấp và anh K đã thế chấp Ngân hàng qua hợp đồng thế chấp có công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, Tòa cấp sơ thẩm không xem xét làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng. Ngân hàng đề nghị Tòa công nhận hợp đồng thế chấp số LD 1516700007 ngày 16/6/2015 đã được ký kết giữa Ngân hàng và anh Nguyễn Quang K theo khoản 2 Điều 133 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Việc nguyên đơn khởi kiện đề nghị hủy hợp đồng tặng cho giữa ông Đ và anh K là không có căn cứ. Bởi, tranh chấp giữa ông L và ông Đ theo quy định pháp luật là quan hệ vay tài sản, ông Đ chỉ có nghĩa vụ trả đủ tiền vốn và lãi cho ông L theo khoản 1 Điều 473 của Bộ luật dân sự năm 2005. Theo đó, ông L không phải là người có quyền, lợi ích hợp pháp trong hợp đồng tặng cho. Đề nghị Tòa bác việc ông L yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho giữa ông Đ và anh K.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện hợp pháp của bị đơn anh Nguyễn Quang K là anh Nguyễn Văn C vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo theo đơn kháng cáo ngày 14/7/2017, không có bổ sung chứng cứ mới.

Anh C trình bày: Tại cấp sơ thẩm anh K không có yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa anh K và Ngân hàng. Vì, đến thời điểm này anh K thực hiện đúng hợp đồng với Ngân hàng, tính đến ngày 10/11/2017 anh K chỉ còn nợ Ngân hàng 258.314.000đ vốn. Tại cấp phúc thẩm anh K cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa anh K và Ngân hàng. Anh C đồng ý trong trường hợp có phát mãi phần đất diện tích 205,8m² thửa 50, tờ bản đồ số 34 và căn nhà gắn liền trên đất thì ưu tiên thanh toán đủ vốn và lãi cho Ngân hàng trước, còn lại bao nhiêu mới thi hành cho các chủ nợ.

- Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng T là ông Đèo Trung H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo theo đơn kháng cáo ngày 13/7/2017, không có bổ sung chứng cứ mới.

Anh H trình bày: Tại cấp sơ thẩm Ngân hàng không có yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa anh K và Ngân hàng. Vì, đến thời điểm này anh K thực hiện đúng hợp đồng với Ngân hàng, tính đến ngày 10/11/2017 anh K chỉ còn nợ Ngân hàng 258.314.000đ vốn. Tại cấp phúc thẩm Ngân hàng cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa anh K và Ngân hàng. Mà chỉ đề nghị Tòa công nhận hợp đồng thế chấp số LD 1516700007 ngày 16/6/2015 đã được ký kết giữa Ngân hàng và anh K. Ngân hàng đồng ý với ý kiến của ông S đại diện cho ông L là trong trường hợp có phát mãi phần đất diện tích 205,8m² thửa 50, tờ bản đồ số 34 và căn nhà gắn liền trên đất thì ưu tiên thanh toán đủ vốn và lãi cho Ngân hàng trước, còn lại bao nhiêu mới thi hành cho ông L.

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Huỳnh Văn L là ông Trương Hoàng S không đồng ý kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Quang K, không đồng ý kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng T. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông S trình bày: Tại cấp sơ thẩm ông L không có yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa anh K và Ngân hàng. Tại cấp phúc thẩm ông L cũng không yêu cầu giải quyết Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa anh K và Ngân hàng. Ngân hàng cho anh K vay là ngay tình, nếu Tòa Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Quang K lập ngày 08/01/2015 đối với phần đất và tài sản gắn liền trên đất thửa 50 diện tích 205,8m² tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại khu B, thị trấn Ô, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long và hủy nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý “Tặng cho cho ông Nguyễn Quang K, CMND số 362086463, địa chỉ thường trú: Mậu T, Xuân K, Ninh K, thành phố Cần Thơ theo hồ sơ số 001543.TA.063” tại phần IV trang 3 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số BM 579399, số vào sổ cấp CGN: CH 01543 do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn đã cấp cho ông hộ Nguyễn Văn Đ ngày 19/3/ 2013, trong trường hợp có phát mãi phần đất diện tích 205,8m² thửa 50, tờ bản đồ số 34 và căn nhà gắn liền trên đất thì ông L đồng ý ưu tiên thanh toán đủ vốn và lãi cho Ngân hàng trước, còn lại bao nhiêu mới thi hành cho ông L.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; những người tham gia tố tụng ông L là nguyên đơn và anh K là bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng T đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Đ, chị A, Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn đã được Tòa triệu tập hợp lệ đến lần thứ 3 nhưng vắng mặt,

Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đưa ra xét xử vắng mặt bị đơn và người có liên quan là đúng quy định.

+ Về nội dung:

Căn nhà và đất tại thửa số 50 diện tích 205,8 m² tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại khu B, thị trấn Ô, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long là tài sản chung của hộ ông Đ, bà H. Ông Đ, bà H nhận chuyển nhượng từ bà Lương Thị T vào năm 2002. Ông Đ, bà H đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, nhưng khi bà H chết ngày 08/01/2015 chỉ có ông Đ ký hợp đồng tặng cho anh K là không đúng quy định; đồng thời khi bà H còn sống, ông Đ và bà H có nợ ông L số tiền gốc là 410.000.000đ và lãi. Do vậy, án sơ thẩm vô hiệu hợp đồng tặng cho giữa ông Đ với anh K là đúng quy định. Tuy nhiên, án sơ thẩm chưa xem xét giải quyết hợp đồng thế chấp tài sản giữa anh Nguyễn Quang K với Ngân hàng T chi nhánh quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ phần tài sản là thửa đất số 50 diện tích 205,8m² tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại khu B, thị trấn Ô, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (Theo hợp đồng thế chấp số LD 1516700007 ngày 16/6/2015). Hợp đồng thế chấp tài sản này có liên quan đến hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Đ và anh K đã bị cấp sơ thẩm vô hiệu là chưa phù hợp, mặc dù các đương sự không có yêu cầu giải quyết về hợp đồng thế chấp và không có kháng cáo về nội dung này nhưng nếu không giải quyết hợp đồng thế chấp giữa anh K và Ngân hàng T chi nhánh quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ sẽ không đảm bảo quyền lợi của các đương sự, không đảm bảo giải quyết triệt để vụ án. Để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án được triệt để, cũng như đảm bảo cho việc thi hành án, cần hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cấp sơ thẩm để giải quyết lại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS năm 2015. Hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm để xét xử lại. Các đương sự không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục:

Ngày 14/7/2017 bị đơn anh Nguyễn Quang K có đơn kháng cáo và ngày 12/7/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng T có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2017/DS-ST ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm vào ngày 14/7/2017 và ngày 13/7/2017 còn trong thời hạn luật định theo Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Đ, đại diện hợp pháp của ông Đ, chị A, Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, bà H, anh T và cháu N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ ba nhưng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét toàn bộ các nội dung kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Quang K.

Anh K yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long hủy bản án sơ thẩm số: 32/2017/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn.

- Anh K cho rằng ngày 31/8/2015 Thẩm phán ký ban hành thông báo không số về việc thụ lý bổ sung yêu cầu “Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” giữa ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Quang K đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 34, diện tích 205,8m². Sau khi ký thụ lý vụ án bổ sung thì Tòa án không triệu tập anh K làm việc để thực hiện quyền của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, gây thiệt thòi đến quyền lợi hợp pháp của anh K liên quan đến yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn.

Tòa cấp sơ thẩm ra thông báo thụ lý bổ sung không có số là chưa đúng theo mẫu số 30-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao) nên cần rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, ngày 10/9/2015 Tòa cấp sơ thẩm có tổng đạt thông báo thụ lý bổ sung ngày 31/8/2015 cho ông Nguyễn Thái T là người được anh K ủy quyền (BL 72) anh K biết Tòa đã thụ lý bổ sung yêu cầu “Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” giữa ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Quang K đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 34, diện tích 205,8m², đất tọa lạc tại khu B, thị trấn Ô, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi tổng đạt thông báo thụ lý bổ sung cho anh K biết, thì ngày 16/5/2016 Thừa phát lại đến nơi cư trú của anh K tổng đạt giấy triệu tập mời anh K tham dự phiên hòa giải vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 31/5/2016 (BL 182, 183, 184), nhưng anh K vắng mặt không tham dự phiên hòa giải. Ngày 15/6/2016 Thừa phát lại tiếp tục tổng đạt giấy triệu tập mời anh K đến trụ sở Tòa làm việc vào lúc 13 giờ 30 ngày 29/6/2016 (BL 191), nhưng anh K không đến Tòa theo giấy triệu tập. Như vậy, anh K cho rằng sau khi thụ lý vụ án bổ sung Tòa án không triệu tập anh K làm việc để anh thực hiện quyền của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, gây thiệt thòi đến quyền lợi hợp pháp của anh K liên quan đến yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn là không đúng. Tòa cấp sơ thẩm không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên không có cơ sở để hủy bản án sơ thẩm số: 32/2017/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn theo yêu cầu của anh K.

- Việc anh K cho rằng Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 08/01/2015; anh K đề nghị Tòa cấp phúc thẩm bác yêu cầu này của nguyên đơn, vì tại thời điểm giao kết hợp đồng thửa đất không bị tranh chấp, hợp đồng được lập thành văn bản và được Ủy ban nhân dân thị trấn Trà Ôn chứng thực hợp pháp và đã được đăng ký quyền sử

dụng đất theo quy định của Luật đất đai, hiện anh K đã được Nhà nước thừa nhận và công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp là không có cơ sở chấp nhận. Vì, phần đất diện tích 205,8m² thửa 50, tờ bản đồ số 34 có nguồn gốc của cha, mẹ anh Khả là ông Nguyễn Văn Đ và bà Ngô Hồng H nhận chuyển nhượng từ bà Lương Thị T vào năm 1999 (BL 312, 313). Ông Đ, bà H quản lý sử dụng và kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở ngày 05/6/2002 (BL 316, 317), ông Đ, bà H được Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/4/2003 cho hộ ông Nguyễn Văn Đ (BL 245). Ngày 12/02/2013 ông Nguyễn Văn Đ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (BL 248). Ngày 19/3/2013 hộ ông Nguyễn Văn Đ được Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 579399, số vào sổ CGN: CH 01543 (BL 243). Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000: “Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất kinh doanh và những thu nhập hợp pháp khác của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân;... Quyền sử dụng đất mà vợ chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng... Tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất”. Như vậy, phần đất diện tích 205,8m² thửa 50, tờ bản đồ số 34 và căn nhà gắn liền trên đất do vợ chồng ông Đ, bà H tạo lập trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của ông Đ, bà H. Theo chứng thư thẩm định giá số: VC16/3/12/BĐS-CT ngày 17/3/2016 của Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam thì phần đất, căn nhà và tài sản gắn liền trên đất có tổng giá trị bằng 878.121.000đ là tài sản chung của ông Đ, bà H. Ông Đ và bà H mỗi người có ½ tài sản trong khối tài sản chung. Giá trị tài sản của mỗi người là 439.060.500đ.

Ngày 08/12/2013 bà Ngô Hồng H chết, tài sản của bà H để lại là di sản theo quy định tại Điều 634 Bộ luật dân sự năm 2005 có giá trị là 439.060.500đ. Bà H chết không có để lại di chúc, phần di sản của bà H để lại trong khối tài sản chung của ông Đ, bà H là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 50 diện tích 205,8m² tờ bản đồ số 34 do ông Đ quản lý. Khi bà H còn sống, vợ chồng ông Đ, bà H có nợ ông L số tiền 410.000.000đ vốn. Do đó, Ông Đ và những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do bà H chết để lại theo đúng quy định tại Điều 637 của Bộ luật dân sự năm 2005. Tuy nhiên, ông Đ và những người hưởng thừa kế không thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do bà H chết để lại. Ngày 08/01/2015 ông Đ lập hợp đồng tặng cho con là anh Nguyễn Quang K thửa đất số 50, diện tích 205,8m², tờ bản đồ số 34 và căn nhà gắn liền trên đất là tự ý quyết định di sản của bà H chết để lại không có sự đồng ý của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà H và chưa thực hiện nghĩa vụ tài sản do bà H chết để lại là vi phạm quy định tại Điều 637 và Điều 722 của Bộ luật dân sự năm 2005, nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ là trái đạo đức xã hội được quy định tại Điều 128 của Bộ luật dân sự năm 2005. Cho nên, Tòa cấp sơ thẩm giải quyết vô hiệu hợp đồng

tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Quang K lập ngày 08/01/2015 đối với phần đất và tài sản gắn liền trên đất thửa 50 diện tích 205,8m² tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại khu 3, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ.

- Anh K không chấp nhận với phần tính án phí của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn buộc anh Nguyễn Quang K và chị Nguyễn Ngô Hồng A cùng liên đới nộp án phí sơ thẩm. Việc anh K không chấp nhận liên đới nộp tiền án phí sơ thẩm là không đúng. Vì, anh K và chị A là con của bà H phải có trách nhiệm liên đới cùng với những người hưởng thừa kế di sản của bà H thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do bà H chết để lại, nên anh K và chị A phải có nghĩa vụ liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[2.2] Xét toàn bộ kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng T:

- Ngân hàng cho rằng tài sản thuộc sở hữu của anh Nguyễn Quang K đã được cơ quan chức năng cấp và anh K đã thế chấp Ngân hàng qua hợp đồng thế chấp có công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, Tòa cấp sơ thẩm không xem xét làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng. Ngân hàng đề nghị Tòa công nhận hợp đồng thế chấp số LD 1516700007 ngày 16/6/2015 đã được ký kết giữa Ngân hàng và anh Nguyễn Quang K theo khoản 2 Điều 133 của Bộ luật dân sự năm 2015, là chưa có cơ sở chấp nhận. Vì, tại cấp sơ thẩm Ngân hàng không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và anh K. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông S đại diện theo ủy quyền của ông L đề nghị nếu có phát mãi phần đất diện tích 205,8m² thửa 50, tờ bản đồ số 34 và căn nhà gắn liền trên đất thì ưu tiên thanh toán đủ vốn và lãi cho Ngân hàng trước, còn lại bao nhiêu mới thi hành cho ông L được ông Đèo Trung H đại diện cho Ngân hàng đồng ý với đề nghị của ông S.

- Ngân hàng cho rằng tranh chấp giữa ông L và ông Đ theo quy định pháp luật là quan hệ vay tài sản, ông Đ chỉ có nghĩa vụ trả đủ tiền vốn và lãi cho ông L theo khoản 1 Điều 473 của Bộ luật dân sự năm 2005. Theo đó, ông L không phải là người có quyền, lợi ích hợp pháp trong hợp đồng tặng cho. Đề nghị Tòa bác việc ông L yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho giữa ông Đ và anh K là không có cơ sở chấp nhận. Vì, quan hệ tranh chấp trong vụ án là: Hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại. Khi bà H còn sống, vợ chồng ông Đ, bà H có tạo lập ra tài sản chung là phần đất diện tích 205,8m² thửa 50, tờ bản đồ số 34 và căn nhà gắn liền trên đất. Ông Đ, bà H có nợ ông L số tiền 410.000.000đ vốn. Bà H chết để lại di sản là ½ trong khối tài sản chung của ông Đ, bà H. Do đó, Ông Đ và những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do bà H chết để lại. Ngày 08/01/2015 ông Đ lập hợp đồng tặng cho con là anh Nguyễn Quang K thửa đất số 50, diện tích 205,8m², tờ bản đồ số 34 và căn nhà gắn liền trên đất là tự ý quyết định di sản của bà H chết để lại không có sự đồng ý

của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà H và chưa thực hiện nghĩa vụ tài sản do bà H chết để lại là vi phạm quy định tại Điều 637 và Điều 722 của Bộ luật dân sự năm 2005 như đã nhận định trên.

[2.3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là chưa có cơ sở nên Hội đồng xét xử chỉ ghi nhận mà không chấp nhận.

[3] Tại cấp sơ thẩm các đương sự không tranh chấp đề yêu cầu Tòa xem xét giải quyết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và anh K, nên Tòa cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và anh K. Tại cấp phúc thẩm các đương sự không tranh chấp đề yêu cầu Tòa giải quyết đối với hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và anh K nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Quang K và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận kháng cáo nên buộc anh K và Ngân hàng T nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định của bản án sơ thẩm về quyền, nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Quang K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2017/DS-ST, ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn.

Áp dụng khoản 4 Điều 34, Điều 68, khoản 2 Điều 92, Điều 228, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc thi hành Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Áp dụng Điều 128, Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 634, Điều 637, Điều 722, Điều 735 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Quang K lập ngày 08/01/2015 đối với phần đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 50 diện tích 205,8m² tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại khu 3, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

2. Hủy nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý “Tặng cho cho anh Nguyễn Quang K, CMND số 362086463, địa chỉ thường trú: Mậu T, Xuân K, Ninh K, thành số Cần Thơ theo hồ sơ số 001543.TA.063” tại phần IV trang 3 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số BM 579399, số vào sổ cấp CGN: CH 01543 do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn đã cấp cho ông hộ Nguyễn Văn Đ ngày 19/3/ 2013.

3. Buộc ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn L số số tiền vốn bằng 205.000.000đ và số tiền lãi bằng 87.375.000đ. Cộng chung vốn và lãi bằng 292.375.000đ (Hai trăm chín mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

4. Buộc những người hưởng thừa kế của bà Ngô Hồng H gồm ông Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Quang K và chị Nguyễn Ngô Hồng A có trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh Văn L số tiền vốn bằng 205.000.000đ và số tiền lãi bằng 87.375.000đ. Cộng chung vốn và lãi bằng 292.375.000đ (Hai trăm chín mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) trong phạm vi di sản của bà Hoa chết để lại.

5. Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bên có quyền, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ nộp số tiền 14.618.750đ (Mười bốn triệu, sáu trăm mười tám nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Quan K và chị Nguyễn Ngô Hồng A có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 14.618.750đ (Mười bốn triệu, sáu trăm mười tám nghìn, bảy trăm năm mươi đồng)

Buộc ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Quang K có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí vô hiệu hợp đồng.

Hoàn trả ông Huỳnh Văn L số tiền 14.707.000đ (Mười bốn triệu, bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn theo các biên lai thu số 019460 ngày 22/4/2015; số 0012465 ngày 31/8/2015 và số 0013273 ngày 14/10/2016.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc anh Nguyễn Quang K nộp 300.000đ. Số tiền anh K nộp được khấu trừ từ 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn theo biên lai thu số: 0013974 ngày 14/7/2017, anh K không phải nộp thêm.

Buộc Ngân hàng T nộp 300.000đ. Số tiền Ngân hàng nộp được khấu trừ từ 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn theo biên lai thu số: 0013971 ngày 13/7/2017, Ngân hàng không phải nộp thêm.

7. Các quyết định của bản án sơ thẩm về quyền, nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b;
- CA TAT: 01b;
- TAND huyện Trà Ôn: 01b;
- THADS huyện Trà Ôn: 02b;
- Đ/sự: 08b;
- Lưu: 06 b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trường